

# VỀ ĐỔI MỚI QUẢN LÝ GIÁO DỤC MẦM NON TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

• **TS. TRẦN THỊ NGỌC TRÂM**

*Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam*

## 1. Đặt vấn đề

Lứa tuổi mầm non (MN) có vị trí rất quan trọng trong cả quá trình phát triển cuộc đời của mỗi con người. Giáo dục (GD) MN là cấp học đầu tiên của hệ thống GD quốc dân, đặt nền móng ban đầu cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ của trẻ em Việt Nam. Việc chăm lo phát triển GD MN là trách nhiệm chung của các cấp chính quyền, của mỗi ngành, mỗi gia đình và toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Với trẻ lứa tuổi MN, trường lớp MN chính là môi trường xã hội thứ hai sau gia đình, giúp trẻ hình thành khả năng thích ứng với môi trường xã hội rộng lớn sau này. Với mục tiêu giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, GDMN tạo sự khởi đầu cho sự phát triển toàn diện của trẻ, đặt nền tảng cho việc học tập ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời. Đặc biệt, GDMN nếu được phát triển ở vùng dân tộc thiểu số sẽ tạo điều kiện cho trẻ sớm tiếp cận với tiếng Việt, chuẩn bị tốt tâm thế vào học lớp một.

GDMN là vấn đề có tầm chiến lược lâu dài, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển GD phổ thông và các thế hệ tương lai của đất nước. Nhờ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với GDMN, đặc biệt từ sau Quyết định 161/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Về một số chính sách phát triển GDMN và Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển GDMN giai đoạn 2006-2015", GDMN đã có bước phát triển trên cả ba phương diện quy mô, chất lượng và công bằng xã hội.

Tuy nhiên, việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển GDMN còn nhiều bất cập: sự phối hợp giữa các bộ, ngành trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển GDMN còn chưa đồng bộ, chưa chặt chẽ và thường xuyên, còn chênh lệch đáng kể về phát triển GDMN giữa các vùng miền trong cả nước, đặc biệt công tác quản lý GDMN trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

còn bất cập trong quy hoạch mạng lưới và các chính sách phát triển, các điều kiện đảm bảo chất lượng trong đó các yêu cầu về nguồn lực để thực hiện các mục tiêu ưu tiên trong phát triển GDMN còn nhiều hạn chế...

Để tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ và phát triển toàn diện của GDMN, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới GD trong bối cảnh nước ta bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đòi hỏi phải có những đổi mới trong quản lý GDMN.

## 2. Một số định hướng trong thiết kế mô hình quản lý GD trong giai đoạn tới

GD trẻ em trước tuổi đến trường phải là một mục tiêu lớn trong chiến lược GD. Đây là một trong những tư tưởng chủ yếu của Chiến lược Phát triển GD của UNESCO và của Đảng, Nhà nước Việt Nam. Quản lý GDMN phải chú ý cả ba mục đích: công bằng, thích hợp và chất lượng; phải có cách tiếp cận phát triển GDMN thích hợp với từng vùng.

Giải quyết vấn đề về quản lý GDMN trong thời gian tới vừa phải phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, vừa phải phù hợp với xu hướng phát triển GDMN của khu vực và thế giới trên cơ sở nhận thức đúng vị trí cũng như tầm quan trọng của GDMN trong việc hình thành nhân cách cũng như tạo sự khởi đầu cho sự phát triển toàn diện, xây dựng nền tảng học vấn của mỗi con người trong tương lai.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và xu thế phát triển GD nói chung, thiết kế mô hình quản lý GD trong giai đoạn tới cần quán triệt các quan điểm sau đây:

### 2.1. Đảm bảo quyền trẻ em

Sự phát triển trong những năm đầu đời quyết định tương lai của cả cuộc đời. Những năm đầu đời là giai đoạn phát triển quan trọng nhất của đời người, đặc biệt là giai đoạn từ 0 đến 3 tuổi là giai đoạn bộ não phát triển và hoàn thiện. Đây cũng là thời kì chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ tình trạng dinh dưỡng, sức khỏe và có tác động

lớn nhất đến khả năng nhận thức, học tập, tính cách và các kỹ năng xã hội. Nhà nước Việt Nam xác định trẻ MN là nhóm trẻ đặc biệt quan trọng, là nền tảng trong chiến lược phát triển con người. Tạo mọi điều kiện để huy động tối đa cho tất cả trẻ em từ 0-6 tuổi đều được tiếp cận với dịch vụ GDMN có chất lượng. Cung cấp các dịch vụ chăm sóc và GD có chất lượng cho trẻ MN là nhiệm vụ cấp thiết để thực hiện các quyền cơ bản của trẻ em, đảm bảo công bằng xã hội, nâng cao chất lượng dân số, nguồn nhân lực tương lai của đất nước.

**2.2. Đảm bảo công bằng xã hội trong GD**

Công bằng xã hội trong GD liên quan đến việc tạo ra các cơ hội về GD ngang nhau giữa mọi người. Đó là sự bình đẳng để được tiếp cận, tham gia vào quá trình GD và bình đẳng trong khi tham gia vào quá trình đó. Sự tham gia và tiếp cận với GD liên quan tới những cơ hội ngang nhau trong việc trẻ em được đến trường, có đủ điều kiện học tập.

Sự bình đẳng khi tham gia vào quá trình GD liên quan tới việc tạo ra các cơ hội ngang nhau cho mọi trẻ em và liên quan đến việc đối xử bình đẳng với mọi trẻ em khi tham gia vào các cơ sở GDMN khác nhau cho dù công lập hay ngoài công lập. Điều này cũng có nghĩa là nếu trẻ em ở các vùng miền, điều kiện kinh tế - xã hội, địa lý khác nhau thì các em phải có những chương trình GD phù hợp bao gồm cả hình thức, nội dung và phương pháp GD. Việc cung cấp các chương trình GD phù hợp với các đối tượng trẻ em cũng được hiểu là là sự đối xử bình đẳng và công bằng trong GD đối với học sinh.

GDMN là một trong những mục tiêu quan trọng của GD cho mọi người, đảm bảo sự công bằng trong hưởng thụ dịch vụ GDMN cho mọi trẻ em. Mở rộng quy mô, mạng lưới các cơ sở GDMN trên mọi địa bàn dân cư và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ trong các cơ sở, GDMN đáp ứng nhu cầu gửi con của các bậc phụ huynh, khắc phục cơ bản sự chênh lệch về phát triển GDMN giữa các vùng miền. Ưu tiên huy động trẻ mẫu giáo 5 tuổi, thực hiện phổ cập GD một năm cho trẻ 5 tuổi để chuẩn bị tốt cho trẻ vào học lớp một. Mục tiêu đến năm 2020, 99% trẻ 5 tuổi được học một năm mẫu giáo chuẩn bị vào lớp một. (Nguồn: Dự thảo Chiến lược phát triển GD 2009-2020 lần thứ 13).

**2.3. Phân cấp quản lý GDMN**

Thực hiện triệt để phân cấp quản lý GD theo

tinh thần Nghị định Chính phủ số 161/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2004 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về GD, trao quyền tự chủ nhiều hơn cho các cơ sở GDMN và cơ quan quản lý cấp địa phương. Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển GDMN giai đoạn 2006-2015" cũng đã chỉ ra trách nhiệm của các bộ, ngành.

- Bộ GD&ĐT thực hiện chức năng quản lý nhà nước về GD theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung làm tốt nhiệm vụ: Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển; GDMN xây dựng cơ chế chính sách, quy chế hoạt động và quy chế quản lý chất lượng GDMN; tổ chức kiểm tra, thanh tra, kiểm định chất lượng GDMN.

- Tăng cường cơ chế phối hợp quản lý trong đó các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm phối hợp với Bộ GD&ĐT thực hiện quản lý nhà nước về GDMN theo thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm trực tiếp trong việc xây dựng và phát triển GDMN tại địa phương, bảo đảm các điều kiện về đội ngũ giáo viên, tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị đồ chơi của các trường công lập thuộc phạm vi quản lý; xây dựng quy hoạch và tạo điều kiện phát triển cơ sở GDMN ngoài công lập đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và thực hiện công bằng GD tại địa phương.

**2.4. Xã hội hóa GDMN**

Xã hội hóa GD là một xu hướng phát triển hiện nay ở các nước phát triển và đang phát triển. Bản chất của xã hội hóa GD là sự tham gia của xã hội vào GD trên cả hai mặt tiếp nhận GD và đóng góp vào sự phát triển GD. Xã hội hóa GD chính là công cụ để tăng cơ hội tiếp cận với GD cho mọi người, đóng góp thêm với ngân sách nhà nước để đầu tư mạnh GD và thúc đẩy tiến trình tiến tới một xã hội học tập.

Quan niệm xã hội hóa GD được hiểu rất đa dạng ở nhiều quốc gia khác nhau. Ngoài các nội dung như huy động sự tham gia của cộng đồng vào GD có sự quản lý của Nhà nước, còn liên quan đến nhiều yếu tố khác như công bằng xã hội trong GD, bình đẳng trong đánh giá và tiếp nhận GD, có cơ hội được học tập suốt đời, được lựa chọn cơ hội học tập... Sự tham gia của cộng đồng vào GD được hiểu là tạo cơ hội cho mọi người có quyền được học tập, được tiếp cận với GD để phát triển tri thức cá nhân nhưng mặt khác họ phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với GD cũng như sự nghiệp phát triển GD của đất nước.

Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) đã chỉ rõ: Xã hội hóa công tác GD là "huy động toàn xã hội làm GD, động viên các tầng lớp nhân dân góp sức xây dựng nền GD quốc dân dưới sự quản lý của Nhà nước".

GDMN cần được sự quan tâm và đầu tư thích đáng của Nhà nước. Trong đó, ưu tiên đầu tư cho các vùng khó khăn ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa; Tiếp tục đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa GDMN. Huy động toàn xã hội cùng chăm lo cho công tác chăm sóc GD trẻ, huy động sự đóng góp nguồn lực của gia đình và cộng đồng xã hội. Phát triển đa dạng hóa các loại hình GDMN: công lập, dân lập và tư thực.

- Thực hiện triệt để công tác xã hội hóa theo tinh thần Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 về Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động GD, y tế, văn hóa và thể dục thể thao.

- Bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích mạnh mẽ các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho GDMN.

### **3. Đổi mới quản lý GDMN**

#### **3.1. Quản lý nhà nước về GDMN**

- Nhà nước có trách nhiệm quản lý, đầu tư phát triển GDMN. Quản lý nhà nước không chỉ bao gồm Chính phủ mà cả hệ thống pháp luật, các văn bản pháp quy và tòa án. Quản lý nhà nước về GDMN phải đáp ứng các xu hướng mới của xã hội - mối quan hệ giữa hệ thống GDMN và nhà nước, thể hiện được:

- \* Vai trò và trách nhiệm của Nhà nước;

- \* Sự ủy thác một phần quyền lực Nhà nước cho trung ương hoặc địa phương;

- Quản lý nhà nước về GDMN phải đảm bảo:

- + Nắm giữ định hướng GD vì lợi ích quốc gia.

- + Xác định ưu tiên và các biện pháp phù hợp để đảm bảo thành công thực hiện chiến lược phát triển GDMN của quốc gia.

- + Điều tiết, phân bổ GD hợp lý.

- + Đưa ra các biện pháp, các nguyên tắc để đảm bảo một sân chơi bình đẳng cho các nhà sáng lập cơ sở GDMN.

- + Sự hài hòa cần có giữa GD ở các cơ sở GDMN công lập và ngoài công lập.

- + Nhận nhận, đánh giá đúng về hệ thống trường ngoài công lập với các nhân tố tích cực trong cơ chế thị trường.

- + Có cơ chế, chính sách thích hợp với các loại hình trường, đặc biệt là loại hình trường công

lập tự chủ tài chính mới xuất hiện.

- Bộ GD&ĐT thực hiện chức năng quản lý nhà nước về GD theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tập trung làm tốt nhiệm vụ:

- + Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển GDMN.

- + Quản lý chương trình và tài liệu (không áp đặt chương trình cụ thể - chương trình quốc gia mang tính chất chương trình khung, bao gồm những nội dung cốt lõi làm cơ sở cho việc lựa chọn những nội dung GD phù hợp với kinh nghiệm sống và khả năng của trẻ ở từng địa phương. Chương trình có tính linh hoạt, mềm dẻo, đáp ứng các nhu cầu chăm sóc, GD trẻ trong các loại hình cơ sở GDMN, thích hợp với các địa phương, vùng miền).

- + Xây dựng cơ chế chính sách, quy chế hoạt động và quy chế quản lý chất lượng GDMN

- + Tổ chức kiểm tra, thanh tra, kiểm định chất lượng GDMN.

- Tăng cường cơ chế phối hợp quản lý trong đó các bộ, cơ quan ngang bộ (Bộ Y tế, Bộ Lao động, Thương binh Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư... có trách nhiệm phối hợp với Bộ GD&ĐT thực hiện quản lý nhà nước về GDMN theo thẩm quyền.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp, gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc chăm sóc GD trẻ MN.

- Có chiến lược truyền thông nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức chăm sóc GD trẻ cho các bậc phụ huynh, cha mẹ của trẻ.

#### **3.2. Mạng lưới, loại hình cơ sở GDMN**

- Quy hoạch về quy mô phát triển, cơ cấu loại hình GDMN phù hợp với từng vùng, theo điều kiện kinh tế xã hội, trong đó chú trọng các vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc.

- Xây dựng quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở GDMN trên các địa bàn, đáp ứng nhu cầu và phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

- Cơ sở GDMN bao gồm các loại: công lập, công lập tự chủ tài chính, dân lập và tư thực.

- + Loại hình công lập vẫn chủ yếu được thành lập ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, biên giới.

- + Thực hiện việc chuyển các cơ sở GDMN bán công sang loại hình dân lập, tư thực hoặc công lập tự chủ tài chính.

- + Có chính sách ưu tiên phát triển các loại



hình chăm sóc GD trẻ lứa tuổi nhà trẻ (bao gồm cả GD trẻ ở gia đình).

+ Có chính sách ưu tiên phát triển các cơ sở GDMN tư thục.

**3.3. Đầu tư tài chính, cơ sở vật chất cho GDMN**

- Nhà nước

Chính sách đầu tư cho GD là một trong những thể hiện sinh động cụ thể trong việc thực hiện chiến lược GD quốc gia. Hiện nay, tỉ lệ ngân sách Nhà nước đầu tư cho GDMN còn rất khiêm tốn. Có thể nói "GDMN được đầu tư ít nhất, GDMN có mức đóng góp của người học cao nhất trong các bậc học. Theo tính toán của Bộ GD & ĐT, tỉ lệ chi của Nhà nước cho GDMN hiện nay đạt 39%, gia đình học sinh phải chi trả 61%. Trong khi ở GD phổ thông và GD nghề nghiệp, tỉ lệ chi của nhà nước chiếm 87%, người học đóng góp 13%. Đối với GD đại học, tỉ lệ chi của Nhà nước chiếm 63,3% trong tổng chi phí đào tạo, người học chi 36,7%. GDMN ở Việt Nam đang được Nhà nước chi thấp hơn so với bình quân của nhóm nước mới phát triển (Nhà nước chi 66%) và các nước phát triển (Nhà nước chi 80%). (Nguồn: Báo Tuổi trẻ số 119/2009 (5802), thứ năm ngày 7/5/2009). Vì vậy:

+ GDMN tiếp tục cần được sự quan tâm và đầu tư thích đáng của Nhà nước. Nhà nước ưu tiên đầu tư kinh phí xây dựng các cơ sở GDMN công lập tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, biên giới; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ chơi bảo đảm tiến độ triển khai thực hiện chương trình GDMN mới.

+ Cải tiến việc phân bổ ngân sách Nhà nước chi cho GDMN theo hướng tính định mức theo số trẻ em trong độ tuổi MN trên địa bàn.

+ Đầu tư ngân sách Nhà nước hỗ trợ theo đầu trẻ (số trẻ em trong cơ sở GDMN không phân biệt trường công lập hay ngoài công lập, quy mô trường lớp).

+ Cung cấp học liệu miễn phí hoặc giá thấp cho các cơ sở chăm sóc GD trẻ lứa tuổi nhà trẻ và các cơ sở GDMN ở vùng dân tộc ít người, xa xôi, những nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ chơi để đảm bảo tiến độ và chất lượng việc triển khai thực hiện chương trình GDMN mới.

- Xã hội và cha mẹ:

Tiếp tục đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa

GDMN. Thực hiện triệt để công tác xã hội hóa theo tinh thần Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động GD, y tế, văn hóa và thể dục thể thao. Huy động và tạo điều kiện để toàn xã hội cùng chăm lo và tham gia phát triển GDMN, huy động sự đóng góp của gia đình và cộng đồng xã hội.

Bổ sung và hoàn thiện những văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích mạnh mẽ các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho GDMN

**3.4. Đào tạo bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lí**

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí GDMN theo từng giai đoạn ở mỗi địa phương và cả nước.

- củng cố, quy hoạch lại mạng lưới các trường sư phạm MN theo năng lực đào tạo, phù hợp với quy hoạch mạng lưới chung.

- Xây dựng các chuẩn đào tạo đối với cán bộ quản lí, thể chế hóa văn bằng chứng chỉ đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lí GDMN.

- Xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lí theo hướng đạt chuẩn và cập nhật.

- Tăng cường các khóa, lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, tạo điều kiện cho những người tham gia hoạt động dịch vụ chăm sóc GD trẻ lứa tuổi MN được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo nhu cầu của bản thân và đáp ứng đòi hỏi của hoạt động chăm sóc GD trẻ.

**3.5. Chính sách đãi ngộ đối với giáo viên và cán bộ quản lí GDMN**

- Đổi mới mức lương cho giáo viên MN đủ đảm bảo sự khuyến khích và yên tâm với nghề. Nhiều nhà nghiên cứu và quản lí GD trong nước và quốc tế đều đã thừa nhận mức lương giáo viên nói chung, giáo viên MN nói riêng hiện tại của Việt Nam chưa đủ sức hấp dẫn và khuyến khích giáo viên.

- Có chính sách với giáo viên lớn tuổi không thích hợp với việc đứng lớp, không đảm bảo yêu cầu, chất lượng công tác đang đảm nhiệm.

- Phối hợp các bộ, ngành tiếp tục xây dựng và hoàn thiện định mức lao động, chế độ làm việc của giáo viên MN và cán bộ quản lí GDMN.

- Bổ sung các chính sách ưu đãi đối với giáo viên MN và cán bộ quản lí GDMN ở các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và ở các trường MN dành cho trẻ em khuyết tật.

### 3.6. Nghĩa vụ và trách nhiệm của cha mẹ và xã hội

Việc phân bổ lại ngân sách nhà nước cho GD cơ bản vẫn chưa đủ và cần phải có thêm các nguồn tài trợ khác, đặc biệt là khi việc phân bổ lại ngân sách Nhà nước cho GDMN còn rất khiêm tốn. Do đó, cần:

+ Tăng đóng góp của hộ gia đình nhằm bù chi phí của GDMN theo 2 cách: phát triển hệ thống GD tư thục và tăng thu học phí ở các trường công lập. Tuy nhiên, thu học phí và tăng mức học phí của trường công cũng như phát triển các trường tư sẽ gây nên những vấn đề khó khăn liên quan đến việc đảm bảo công bằng, tiếp cận GD và thuế. Đặc biệt, nếu tất cả học sinh ở trường công đều phải đóng một số học phí nào đó thì những người nghèo sẽ phải chịu gánh nặng nhất. Vì vậy, chi ngân sách Nhà nước cho GDMN phải tiếp tục tăng, tăng tỉ trọng chi cho GDMN trong tổng chi ngân sách nhà nước.

+ Có chính sách đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, sáng kiến và các giải pháp từ các tổ chức quốc tế UNICEF, UNESCO, WB, ADB, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước vào việc phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng các cơ sở GDMN.

### 3.7. Đánh giá, kiểm định

- Xây dựng nội dung và công cụ kiểm định chất lượng GDMN.

- Xây dựng hệ thống kiểm định chất lượng GDMN.

- Xây dựng cơ chế chính sách, quy chế hoạt động quản lý chất lượng GDMN.

- Tổ chức kiểm tra, thanh tra, kiểm định chất lượng GDMN.

Tóm lại, chăm sóc và phát triển trẻ MN là một trong những quyền cơ bản của trẻ đã được quy định trong Công ước về Quyền trẻ em của Liên hiệp quốc, bao gồm tất cả những sự hỗ trợ cần thiết cho mọi trẻ em được thực hiện quyền được sống, được bảo vệ và chăm sóc, đảm bảo cho trẻ được phát triển tốt nhất từ bào thai đến khi sinh ra và đến tuổi đi học. Việt Nam là nước đầu tiên của châu Á và là nước thứ hai trên thế giới kí Công ước Quyền trẻ em (CRC) năm 1990 với những cam kết ưu tiên đặc biệt cho trẻ em.

Trong quá trình phát triển nền GD nước nhà, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến phát triển GDMN, coi GDMN như là một bộ phận quan trọng góp phần ổn định và nâng cao năng suất lao động, sản xuất ra của cải vật chất, xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc. GDMN được xác định là vấn đề có tầm chiến lược lâu dài, ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển GD phổ thông và các thế hệ tương lai của đất nước. Các quan điểm phát triển GDMN được thể hiện qua hàng loạt văn bản về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển GDMN còn nhiều bất cập, đặc biệt là công tác quản lý GDMN trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để phát triển GDMN trong thời gian bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đòi hỏi phải đổi mới quản lý GDMN, tạo ra bộ khung hay cơ cấu GD linh hoạt, thích ứng cao với người học và các vùng lãnh thổ khác nhau trong nước; có những biện pháp dân chủ hóa, phân cấp quản lý, GD trao quyền tự chủ nhiều hơn cho các cơ sở GDMN và cơ quan quản lý cấp địa phương, thực hiện những cách tiếp cận mới trong quản lý và đánh giá GD; huy động các nguồn lực của toàn xã hội, sáng kiến và các giải pháp từ các cá nhân, tổ chức xã hội, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ vào việc phát triển mạng lưới GDMN và nâng cao chất lượng GDMN...

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT, *Tim hiểu Luật GD*, NXB Giáo dục, 2005.
2. Bộ GD&ĐT, *Đề án Phát triển GDMN giai đoạn 2006-2015*.
3. Bộ GD&ĐT, *Dự thảo Chiến lược phát triển GD 2009-2020 lần thứ 13*.
4. *GD thế giới đi vào thế kỉ XXI* (Chủ biên: GS.VS Phạm Minh Hạc-PGS.TS Trần Kiều-PGS.TS Đặng Bá Lâm-PGS.TS Nghiêm Đình Vỹ), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
5. *Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển GDMN*.
6. *Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg ngày 23/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án "Phát triển GDMN giai đoạn 2006 - 2015"*.

### SUMMARY

*This article discusses some orientations for designing the preschool education management model in the coming period with given viewpoints: 1/ ensuring children rights, 2/ ensuring social equity, 3/ decentralizing management of preschool education, 4/ socializing preschools. Innovation of preschool education shall focus on: public administration, management of network, ownerships, financing and physical basis for preschool education.*